TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ	*Cầu Ngang, ngày 21 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2024/TLST/HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1999;
Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Văn N1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Văn N1 tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về nuôi con tên: Nguyễn Nhựt K, sinh ngày 08/12/2017 và Nguyễn Huỳnh Thiên K1, sinh năm 22/02/2023 chị N đang nuôi dưỡng. Chị N và anh N1 thỏa thuận quyền nuôi con như sau:

Chị Nguyễn Thị Huỳnh N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Nhựt K, sinh ngày 08/12/2017 và Nguyễn Huỳnh Thiên K1, sinh năm 22/02/2023 sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Văn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình nhưng chị N và anh N1 không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình nhưng chị N và anh N1 không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Tại phiên hòa giải chị N và anh N1 không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N tự nguyện nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị N nộp theo biên lai thu tiền số 0011268, ngày 06 tháng 9 năm 2024 do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A,
huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Tranh